

Chương II

MÔI TRƯỜNG ĐỐI ÔN HOÀ. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỐI ÔN HOÀ

Bài 13. MÔI TRƯỜNG ĐỐI ÔN HOÀ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần :

- Nắm được 2 đặc điểm cơ bản của môi trường đối ôn hoà :
- + Tính chất trung gian của khí hậu với thời tiết thất thường.
- + Tính đa dạng của thiên nhiên theo thời gian và không gian.
- Hiểu và phân biệt được sự khác biệt giữa các kiểu khí hậu của đối ôn hoà qua biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
- Thấy được sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa có ảnh hưởng đến sự phân bố các kiểu rừng ở đối ôn hoà.

2. Về kĩ năng

- Tiếp tục củng cố thêm về kĩ năng đọc, phân tích ảnh và bản đồ địa lí, bồi dưỡng kĩ năng nhận biết các kiểu khí hậu ôn đới qua các biểu đồ và qua ảnh.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nội dung bài này không khó nhưng có nhiều kiến thức mới như gió Tây, các mùa, các kiểu rừng ôn đới... Vì thế, GV cần khai thác ảnh địa lí, lược đồ và luôn tìm cách đối chiếu với đới nóng nhằm giúp HS nắm được các đặc điểm cơ bản của môi trường đối ôn hoà.

2. Với các cảnh quan ôn đới (rừng lá rộng, rừng lá kim, rừng hỗn giao, thảo nguyên, rừng cây bụi gai), GV không cần đi sâu mô tả điều kiện sinh thái của chúng mà chỉ cần làm rõ mối quan hệ giữa lượng mưa mùa hạ và nhiệt độ mùa đông đối với sự phát triển từng kiểu cảnh quan.

3. Khi rèn luyện kĩ năng đọc – phân tích bản đồ, GV lưu ý HS phân tích ảnh hưởng của khối không khí và dòng biển nóng đến thời tiết, khí hậu của đới ôn hoà.

4. Trọng tâm của bài học : Mục 1. Câu hỏi trọng điểm : Câu hỏi 2.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ Tự nhiên thế giới.
- Lược đồ các dòng biển trên thế giới (nếu có).
- Ảnh 4 mùa ở đới ôn hoà.
- Lược đồ những yếu tố gây biến động thời tiết ở đới ôn hoà.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI MỚI

1. Lời giới thiệu

Lời giới thiệu lưu ý HS đến vị trí trung gian của đới ôn hoà. Đặc điểm này phải được làm rõ trong suốt cả bài giảng.

2. Gợi ý dạy mục 1

Bước 1 : GV yêu cầu HS xác định vị trí đới ôn hoà trong lược đồ 13.1 dựa vào đới nóng và đới lạnh, dựa vào vĩ độ (giữa chí tuyến và vòng cực Bắc ở cả hai bán cầu) và so sánh phần đất đai đới ôn hoà ở Bắc bán cầu với ở Nam bán cầu.

Sau đó, GV cho HS phân tích bảng số liệu ở 3 địa điểm để thấy rõ tính chất trung gian của khí hậu đới ôn hoà :

– Về vị trí : đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh.

– Về nhiệt độ trung bình năm : không nóng bằng đới nóng và không lạnh bằng đới lạnh.

– Về lượng mưa hàng năm : không nhiều như đới nóng và không ít như đới lạnh.

Bước 2 : GV hướng dẫn HS đọc lược đồ 13.1 và cho HS tìm hiểu tại sao khí hậu đới ôn hoà lại thay đổi thất thường.

Để HS có thể đọc và phân tích được lược đồ 13.1, GV giải thích các kí hiệu mũi tên (gió Tây, dòng biển nóng và khối khí nóng, khối khí lạnh) và làm cho HS hiểu rõ sự khác nhau giữa đợt khí lạnh (nhiệt độ xuống đột ngột dưới 0°C , gió mạnh, tuyết rơi rất dày...) với đợt khí nóng (nhiệt độ tăng rất cao và rất khô, dễ gây cháy ở nhiều nơi...).

Khi HS đã xác định được vị trí của đới ôn hoà trên bản đồ, GV hướng dẫn HS tìm nguyên nhân gây ra thời tiết thất thường, phân tích ảnh hưởng của biến động thời tiết do đợt khí nóng, đợt khí lạnh và gió Tây tác động đến vật nuôi, cây trồng và con người ở ôn đới. Tính thất thường của thời tiết ôn đới là do :

– Vị trí trung gian giữa hải dương và lục địa (khối khí ẩm ướt hải dương, khối khí khô lạnh lục địa).

– Vị trí trung gian giữa đới nóng và đới lạnh (khối khí cực lục địa lạnh, khối khí chí tuyến nóng khô).

3. Gợi ý dạy mục 2

Bước 1 : GV cho HS quan sát ảnh 4 mùa (nếu có) để nhận xét sự biến đổi của cảnh sắc thiên nhiên đới ôn hoà theo thời gian trong năm, thời tiết đới ôn hoà biến đổi theo 4 mùa (xuân, hạ, thu, đông) khác với ở nước ta thời tiết thay đổi theo 2 mùa gió (mùa mưa, mùa khô). Sau đó GV cho HS biết thời gian từng mùa, thời tiết từng mùa, sự biến đổi cây cỏ từng mùa theo bảng dưới đây (mỗi mùa khoảng 3 tháng : xuân từ tháng 3–6, hạ : tháng 6–9, thu : 9–12, đông : 12–3) :

| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-----------|---|---|---|---------------------|---|---|----------------------|---|---|-------------------------|----|----|
| Các mùa | Mùa đông | | | Mùa xuân | | | Mùa hạ | | | Mùa thu | | |
| Thời tiết | Trời lạnh, tuyết rơi | | | Nắng ấm, tuyết tan | | | Nắng nóng, mưa nhiều | | | Trời mát lạnh và khô | | |
| Cây cỏ | Cây tăng trưởng chậm, trơ cành (trừ cây lá kim) | | | Cây nảy lộc, ra hoa | | | Quả chín | | | Lá khô vàng và rơi rụng | | |

Bước 2 : GV yêu cầu HS quan sát lược đồ 13.1 và trả lời các câu hỏi trong SGK :

– Nêu tên các kiểu môi trường.

– Xác định vị trí của các kiểu môi trường (ở gần biển hay xa biển, ở phía tây hay phía đông của lục địa, ở gần cực hay gần chí tuyến).

Kế đó, cho HS quan sát các dòng biển nóng và cho biết chúng có mối quan hệ như thế nào với kiểu môi trường ôn đới hải dương (nơi nào có dòng biển nóng chảy qua, nơi đó có khí hậu ôn đới hải dương). GV yêu cầu HS cho biết :

– Ở đại lục châu Á, từ phía tây sang phía đông có các kiểu môi trường nào ? Từ phía bắc xuống phía nam có các kiểu môi trường nào ?

– Ở Bắc Mĩ, từ tây sang đông có các kiểu môi trường nào ? Từ bắc xuống nam có các kiểu môi trường nào ?

GV nhận xét : Môi trường đới ôn hoà vừa biến đổi theo thời gian (theo các mùa trong năm) vừa biến đổi theo không gian (từ tây sang đông, từ bắc xuống nam).

Bước 3 : GV hướng dẫn HS đọc và so sánh các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa để tìm hiểu đặc điểm của khí hậu ôn đới hải dương, ôn đới lục địa và cận nhiệt địa trung hải.

Trước tiên, GV cần lưu ý cho HS biết :

– Ở đới nóng, việc xác định đặc điểm của các kiểu khí hậu nóng dựa vào : nhiệt độ tháng nóng nhất, nhiệt độ tháng thấp nhất, chênh lệch nhiệt độ trong năm, tổng lượng mưa và sự phân bố mưa trong năm.

– Ở đới ôn hoà, việc xác định đặc điểm của các kiểu khí hậu cũng như vậy nhưng có chú trọng nhiều đến nhiệt độ mùa đông (tháng 1) và lượng mưa mùa hạ (tháng 7).

Sau đây là bảng so sánh nhiệt độ và lượng mưa các tháng 1 và 7 của 3 biểu đồ mà từ đó GV cần dẫn dắt HS tìm ra các đặc điểm khí hậu của 3 môi trường chính ở đới ôn hòa :

| Biểu đồ khí hậu | Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) | | Lượng mưa (mm) | |
|--|---------------------------------|---------|----------------|---------|
| | Tháng 1 | Tháng 7 | Tháng 1 | Tháng 7 |
| Biểu đồ ở Bret (48°B) Khí hậu ôn đới hải dương | 6 | 16 | 133 | 62 |
| Biểu đồ ở Mát-xơ-va (56°B) Khí hậu ôn đới lục địa | -10 | 19 | 31 | 74 |
| Biểu đồ ở A-ten (41°B) Khí hậu địa trung hải | 10 | 28 | 69 | 9 |

Từ phân tích 3 biểu đồ, GV cho HS nhận xét đặc điểm của từng kiểu môi trường :

– Môi trường ôn đới hải dương có lượng mưa 1.126 mm, nhiệt độ trung bình năm $10,8^{\circ}\text{C}$; tháng 1 : 6°C , tháng 7 : 16°C . Mưa quanh năm, nhất là vào thu đông có nhiều nhiễu loạn về thời tiết.

– Môi trường ôn đới lục địa có lượng mưa 560 mm, nhiệt độ trung bình năm 4°C ; tháng 1 : -10°C , tháng 7 : 19°C , mưa nhiều vào mùa hạ.

– Môi trường địa trung hải có lượng mưa 402mm, nhiệt độ trung bình năm $17,3^{\circ}\text{C}$, tháng 1 : 10°C , tháng 7 : 28°C . Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa này được vẽ theo công thức $T = 2P$, nên thấy rõ có 5 tháng khô hạn vào mùa hạ từ tháng 4 đến đầu tháng 9, mưa nhiều vào mùa thu và mùa đông.

Sau đó, GV hướng dẫn HS quan sát các ảnh 13.2, 13.3, 13.4 và đối chiếu với các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa tương ứng, vận dụng kiến thức sinh học để giải thích :

- Vì sao ở môi trường ôn đới hải dương lại có nhiều rừng lá rộng ?
- Vì sao ở môi trường ôn đới lục địa lại có rừng lá kim ?
- Vì sao ở môi trường địa trung hải lại có rừng cây bụi gai ?

Lưu ý HS phân tích tác động của lượng mưa và nhiệt độ về mùa đông đến giới thực vật để hình thành nên rừng lá rộng, rừng lá kim và rừng cây bụi gai. GV giải thích nguyên nhân hình thành nên rừng hỗn giao, thảo nguyên. Cuối cùng cho HS quan sát cây rừng ở 3 ảnh để thấy rừng ôn đới thuần một vài loài cây và không rậm rạp như rừng ở đới nóng.

V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu hỏi 1 đòi hỏi HS phải nêu ra được các biểu hiện cụ thể về tính chất trung gian của khí hậu đới ôn hoà. Cụ thể là :

- Tính chất ôn hoà của khí hậu : không quá nóng và mưa nhiều như đới nóng, cũng không quá lạnh và ít mưa như đới lạnh.
- Chịu tác động của cả các khối khí ở đới nóng lẫn các khối khí ở đới lạnh.
- Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi tùy thuộc vào vị trí gần biển hay xa biển, vào vị trí gần cực hay gần chí tuyến.
- Nguyên nhân : do vị trí trung gian giữa đới nóng và đới lạnh.

Tính chất thất thường của thời tiết thể hiện ở :

- Thời tiết có thể nóng lên hoặc lạnh đi đột ngột từ 10°C – 15°C trong vài giờ khi có đợt không khí nóng từ chí tuyến tràn lên hay có đợt không khí lạnh từ cực tràn xuống.
- Thời tiết có thể thay đổi nhanh chóng (từ nắng sang mưa hay tuyết rơi và ngược lại...) khi có gió Tây mang không khí nóng ẩm từ đại dương thổi vào đất liền.

Câu hỏi 2 yêu cầu HS nêu và dẫn chứng được 2 hướng phân hoá của môi trường đới ôn hoà là :

- Sự phân hoá theo thời gian thể hiện ở 4 mùa rõ rệt trong một năm.

- Sự phân hoá theo không gian thể hiện ở sự thay đổi cảnh quan, thảm thực vật, khí hậu,... từ tây sang đông, từ bắc xuống nam (từ rừng lá rộng sang rừng hỗn giao đến rừng lá kim, từ rừng kim sang rừng hỗn giao, thảo nguyên đến rừng cây bụi gai...), từ khí hậu ôn đới hải dương sang ôn đới lục địa hay khí hậu địa trung hải.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Trái Đất – hành tinh trong Hệ Mặt Trời* – Nguyễn Dực – NXB Giáo dục, 2000 (trang 33–34, trang 103–104).
- *Tìm hiểu Trái Đất thời tiền sử* - Nguyễn Hữu Danh - NXB Giáo dục, 2002 (trang 73-86)